

Số: 143/2014/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng
lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính, lệ phí hộ tịch, cư trú và chứng minh nhân dân và Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Đối tượng nộp:

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp miễn lệ phí hộ tịch:

Miễn lệ phí hộ tịch khi đăng ký lần đầu, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp:

a) Đăng ký khai sinh.

- b) Đăng ký kết hôn.
- c) Đăng ký khai tử.
- d) Đăng ký thay đổi cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi.
- e) Bổ sung hộ tịch.

3. Mức thu: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Đơn vị tổ chức thu: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Sở Tư pháp.

5. Quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí:

a) Đơn vị tổ chức thu lệ phí được trích lại 70% tổng số lệ phí thu được để chi phí cho công tác thu lệ phí, 30% số thu lệ phí còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Việc quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 và bãi bỏ các nội dung liên quan đến mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch quy định tại Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2009 và Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Riêng đối với Lệ phí hộ tịch về việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI - Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII;
- Ban Công tác ĐB – UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND - UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *H*



CHỦ TỊCH

Vương Mí Vàng



MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 148/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch		Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp
		Tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	
1	Khai sinh	6.000 đồng		60.000 đồng
2	Kết hôn	20.000 đồng		1.200.000 đồng
3	Khai tử	6.000 đồng		60.000 đồng
4	Nhận cha, mẹ, con	12.000 đồng		
5	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000 đồng/ 1 bản sao	4.000 đồng/ 1 bản sao	
6	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	3.000 đồng		12.000 đồng
7	Các việc đăng ký hộ tịch khác	6.000 đồng		60.000 đồng
8	Cấp lại bản chính giấy khai sinh		12.000 đồng	
9	Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch		25.000 đồng	
10	Nhận con ngoài giá thú			1.200.000 đồng
11	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc			6.000 đồng/ 1 bản sao